

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 493/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 12 – 2024

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hải

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Kiều M, sinh năm: 2004 (có mặt).

Địa chỉ: Làng K, khóm N, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 10B, xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 06/8/2024 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Kiều M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Đ xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị M cho rằng vợ, chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không êm ấm, hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ, chồng không còn dù cha, mẹ hai bên hết sức hàn gắn nhưng không hiệu quả. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ,

chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

- Về con chung: Chị M xác định giữa chị và anh Đ có 01 người con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/10/2022, hiện đang sống chung với anh Đ, đồng thời chị đang mang thai với anh Đ. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu H cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị M xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị M khai giữa vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

* Trong bản trình bày ý kiến ngày 04/11/2024 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Về hôn nhân, anh và chị M tự nguyện kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị M thường bỏ nhà ra đi, anh khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được. Nay chị M cương quyết xin ly hôn thì anh thống nhất ly hôn với chị M. Về con chung, anh xác định giữa anh và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/10/2022, hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu H và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Đối với bào thai của chị M, trước đây do chị M mới sinh con, sợ ảnh hưởng sức khỏe nên anh yêu cầu chị M phá rồi, hiện nay chị M khai đang mang thai là không đúng. Trường hợp chị M có mang thai thì anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Kiều M và anh Nguyễn Xuân Đ là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều M và anh Nguyễn Xuân Đ xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2022 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa chị M và anh Đ là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng anh chị có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không hiệu quả, đồng thời chị M cương quyết ly hôn và anh Đ thống nhất ly hôn với chị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị M xác định giữa chị và anh Đ có 01 con chung là cháu H và chị đang mang thai với anh Đ. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu H cho anh Đ nuôi dưỡng; chị phải chăm sóc bào thai, sau khi sinh ra, chị tự nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đồng ý nuôi cháu H, anh xác

định trường hợp chị M có mang thai thì anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Gia H hiện dưới 36 tháng tuổi nhưng chị M và anh Đ thống nhất thỏa thuận giao cho anh Đ nuôi. Thấy rằng, sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Đối với bào thai chị M đang mang khoảng 12 tuần, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Trường hợp anh Đ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định.

[6] Về tài sản chung: Chị M và anh Đ xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị M và anh Đ khai rằng giữa anh, chị không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 88 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kiều M về việc ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/10/2022 cho anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Kiều M không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Kiều M phải chịu 300.000đ. Ngày 04 tháng 10 năm 2024, chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 5642 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Kiều M và anh Nguyễn Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã T.H, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hứa Minh Hải